TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **81**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 11 - 2019
"*Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Mỹ Huê**

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà **Hồ Thị Hoa**

- Bà **Đoàn Thị Huệ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc Nh**, sinh năm 1992 (có mặt);

2. Bị đơn: Anh **Huỳnh Văn U**, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Các đương sự cư trú: Ấp Thạnh Phú, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/6/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Nh trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Nh và anh U chung sống với nhau như vợ chồng năm 2008, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang và được chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cự cãi, tuy hai bên đã cố gắng nhẫn nhịn để xây dựng hạnh phúc nhưng không lại kết quả, mâu thuẩn vợ chồng ngày càng lớn thêm không tự tháo gỡ được. Chị Nh và anh U có 02 đứa con chung tên Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014, hiện nay chung sống với chị Nh; về tài sản chung và về nợ chung, vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân, chị Nh xin được ly hôn với anh U. Về con, khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi 02 đứa con chung tên Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, chị Nh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2019, bị đơn anh Huỳnh Văn Út trình bày như sau:

Anh Út và chị Nh chung sống với nhau như vợ chồng năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống thì có 02 đứa con chung tên Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014, hiện nay chung sống với vợ chồng; về tài sản chung và nợ chung, vợ chồng không tranh chấp. Nay về hôn nhân, anh không đồng ý ly hôn với chị Nh vì còn thương vợ. Về con, nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh Út yêu cầu được nuôi 02 đứa con chung tên Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014, không yêu cầu chị Nhi cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, anh U xác định không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 17/6/2019, tại phiên tòa ngày 29/11/2019 cháu Huỳnh Minh Kha trình bày nguyện vọng:

Mẹ là chị Trần Thị Ngọc Nh và cha là Huỳnh Văn U ly hôn nhau, cháu Kha có nguyện vọng chung sống với mẹ là Nh.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị U, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản và nợ; không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn: Anh Huỳnh Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng thì từ khi thụ lý vụ án đến nay đã nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nh và anh U có đăng ký kết hôn tại UBND xã nơi một trong hai người cư trú và được chứng nhận kết hôn, trong thời gian sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến đã ly thân nhau, chị Nh xin ly hôn với anh U, tại bản biên bản lấy lời khai ngày 21/9/2019 anh U có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Nh nhưng qua các lần Tòa á U vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Tòa án kiên trì hòa giải nhưng chị Nh cương quyết xin ly hôn với anh U, mặc khác chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì tháng 9/2018 mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nh và anh U đã được Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng khi về không được bao lâu thì tiếp tục phát sinh mâu thuẫn nên chị Nh khởi kiện ly hôn, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Nh và anh U đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, đề nghị HĐXX chấp nhận khởi kiện ly hôn của chị Nh, cho chị Nh được ly hôn với anh Huỳnh Văn U là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; về con chung; chị Nh và anh U có 02 đứa con chung, khi ly hôn chị Nhi yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh U cấp dưỡng, anh U cũng có ý kiến yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng, xét thấy; tại phiên tòa cháu Huỳnh Minh Kha có nguyện vọng sống với chị Nh cháu Mỹ Duyên hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của chị Nh nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Nh, khi ly hôn giao cháu Minh Kha và cháu Mỹ Duyên cho chị Nh nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; về tài sản chung và nợ chung không tranh chấp nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Nh yêu cầu xin được ly hôn với anh Huỳnh Văn U, về nuôi con là tranh chấp dân sự về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi chị Nh khởi kiện Tòa án thụ lý vụ án giải quyết bị đơn anh U, cư trú và làm ăn sinh sống tại ấp Thạnh Phú, xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh U biết và ấn định thời gian để anh U có ý kiến về việc chị Nh khởi kiện ly hôn đối với anh và yêu cầu được nuôi con, nhưng anh U không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án tổ chức phiên họp để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh U vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai anh U vẫn vắng mặt, tại phiên tòa hôm nay chị Nh không yêu cầu hoãn phiên tòa nên Tòa án, xét xử vắng mặt anh U theo quy định tại Điều 227, điểm b, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Nh và anh U chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã Đông Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang là nơi cư trú một trong các bên của anh chị)* và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/6/2010, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị Nh ly hôn với anh U, Tòa án đã thu thập chứng cứ cụ thể là xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi chị Nh và anh U cùng sinh sống thấy rằng, khoảng hơn một năm nay vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng anh, chị ai cũng có công việc làm ăn, buôn bán bận rộn nên dẫn đến việc không hài lòng với nhau trong việc chăm sóc con cái. Có lần hai vợ chồng xảy ra cự cải, anh U đánh chị Nh nên chị Nh xác định là anh U xúc phạm đến danh dự, uy tính và sức khỏe của chị Nh mặc khác chị Nh và anh U không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không còn thương yêu quan tâm lo lắng giúp đỡ lẫn nhau, trong cuộc sống

vợ chồng, về kinh tế mạnh ai nấy lo nên hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nh, cho chị Nh được ly hôn với anh U là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, chị Nh và anh U có 02 con chung tên Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014. Khi ly hôn chị Nh yêu cầu được nuôi 02 đứa con, tại phiên tòa hôm nay cháu Huỳnh Minh Kha có nguyện vọng được sống với chị Nh (có văn bản thể hiện nguyện vọng kèm theo) cháu Huỳnh Thị Mỹ Duyên chưa đến tuổi hỏi nguyện vọng. Thấy rằng, về điều kiện nuôi con thì chị Nh và anh U đều có điều kiện như nhau, nêu xét yêu cầu được nuôi con của chị Nh là phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Minh Kha được sống với chị Nh việc giao con cho chị Nh nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với nguyện của cháu Kha nên chấp nhận yêu cầu của chị Nh và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, giao cháu Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và Huỳnh Thị Mỹ Duyên cho chị Nh nuôi dưỡng; về cấp dưỡng, chị Nh không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Nh xác định, vợ chồng không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghi quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ngọc Nh được ly hôn với anh Huỳnh Văn U.

[2]. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Minh Kha, sinh ngày 31/5/2009 và cháu Huỳnh Thị Mỹ Duyên, sinh ngày 28/5/2014 cho chị Nh nuôi dưỡng sau khi chị Nh và anh U ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu, nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí, buộc chị Trần Thị Ngọc Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006441 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Trần Thị Ngọc Nh đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/11/2019), đương sự vắng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày bản án này được tống đạt hợp lệ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XéT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Đông Thạnh;
- Lưu HSVA,VP;

Lê Mỹ Huê